

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30/11/2023

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đàm;

Bà Lại Thị Nguyễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Quyên - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐ-ST ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hán Thị Lệ G

Địa chỉ: Tổ 3, phường HM, thành phố YB, tỉnh Yên Bái

(Bà G vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L

Địa chỉ: Tổ 3, phường HM, thành phố YB, tỉnh Yên Bái

Hiện đang đi xuất khẩu tại Malaysia nhưng không rõ địa chỉ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2023 và bản tự khai, nguyên đơn bà Hán Thị Lệ G trình bày:

Bà Hán Thị Lệ G và ông Nguyễn Văn L kết hôn vào ngày 03/5/2008, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu

thuần, ông L hiện đi xuất khẩu lao động tại Malaysia và cố tình giấu địa chỉ nên Bà G cũng không biết địa chỉ cụ thể hiện nay của ông L. Đến nay Bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Bà Hán Thị Lệ G và ông Nguyễn Văn L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 12/7/2009 và cháu Nguyễn Phương O sinh ngày 24/3/2012. Khi ly hôn, Bà G đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Hán Thị Lệ G từ chối hòa giải và xin được vắng mặt tại các phiên tòa, phiên họp.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt, bà Hán Thị Lệ G không thể cung cấp được địa chỉ hiện nay của ông Nguyễn Văn L tại Malaysia, Tòa án đã đề nghị mẹ đẻ ông L là bà Đào Thị N (trú tại: Tổ 3, phường HM, thành phố YB, tỉnh Yên Bái) cung cấp địa chỉ của ông L thì bà N thông tin là hiện nay ông L đi lao động tại Malaysia, vẫn liên lạc với gia đình và bà cũng sẽ thông tin việc ly hôn cho ông L biết, nhưng bà N không cung cấp địa chỉ hiện nay của ông L. Tòa án đi thu thập chứng cứ về địa chỉ hiện nay của ông L thông qua Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Yên Bái, nhưng không có kết quả điều đó thể hiện là bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy vụ án được giải quyết theo thủ tục chung. Trên cơ sở đề nghị của Bà G, Tòa án tiến hành thông báo công khai thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng và đề nghị ông L về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để giải quyết vụ án ly hôn trong ba số liên tiếp trên báo đài trung ương, trên cổng thông tin của Tòa án nhưng đến nay ông L vẫn không về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái hoặc gửi giấy tờ, tài liệu, lời khai để giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của Tòa án.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên khác trong Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hán Thị Lệ G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hán Thị Lệ G được ly hôn ông Nguyễn Văn L;

- Về con chung: Bà Hán Thị Lệ G trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 12/7/2009 và cháu Nguyễn Phương O sinh ngày 24/3/2012, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.
- Về án phí và chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, để tìm kiếm địa chỉ hiện nay của ông Nguyễn Văn L, Tòa án đã áp dụng các biện pháp để tìm kiếm, gửi Công văn hỏi Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Yên Bái, thông qua thân nhân của ông L là mẹ đẻ của ông L bà Đào Thị N thì được biết là hiện nay ông L đang ở Malaysia, vẫn thường xuyên liên hệ với người thân, bà N cho biết sẽ thông tin cho ông L biết tin về việc Bà G xin ly hôn, nhưng không cung cấp địa chỉ của ông L, căn cứ vào hướng dẫn của Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Bà Hán Thị Lệ G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Hán Thị Lệ G:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hán Thị Lệ G có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn L ngày 03/5/2008, trên cơ sở tự nguyện là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, ông L hiện đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, cuộc sống vợ chồng xa cách, không quan tâm đến nhau nữa. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hán Thị Lệ G với ông Nguyễn Văn L là phù hợp và có cơ sở nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Bà Hán Thị Lệ G và ông Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 12/7/2009 và Nguyễn Phương O, sinh ngày 24/3/2012. Nguyên vọng của các con đều đề nghị được ở với mẹ. Xét thấy, sau khi ông L đi lao động ở nước ngoài, hai con chung do Bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao 02 con chung cho Bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do Bà G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về lệ phí tố tụng: Bà Hán Thị Lệ G phải chịu tiền lệ phí tố tụng về việc yêu cầu Tòa án thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng (được xác định theo hóa đơn, chứng từ của Đài Truyền thanh Trung ương và Báo công lý).

[4] Về án phí: Bà Hán Thị Lệ G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hán Thị Lệ G được ly hôn ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 12/7/2009 và cháu Nguyễn Phương O sinh ngày 24/3/2012 cho bà Hán Thị Lệ G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Ông Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về lệ phí tố tụng: Bà Hán Thị Lệ G phải chịu 6.000.000 đồng tiền lệ phí đăng thông tin trên Báo và Đài phát thanh Trung ương (được xác định theo hóa đơn, chứng từ của Báo, Đài trung ương - Xác nhận Bà G đã nộp đủ).

4. Về án phí: Bà Hán Thị Lệ G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà G đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002454 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (Bà G đã nộp đủ án phí).

Án xử sơ thẩm công khai, Bà G vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết; ông L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND phường HM, TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân

